

Bản án số: 16/2023/HNGĐ – ST

Ngày: 08 tháng 8 năm 2023

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T Anh và ông Nguyễn Đức Nghi;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm Tân Thịnh, xã Văn L, huyện T, tỉnh P;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Ông **Hồ Văn Phong** – Luật sư thuộc công ty luật TNHH Hùng Lĩnh – Đoàn luật sư tỉnh P (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Hà Thái S**, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Xóm Tân Thịnh, xã Văn L, huyện T, tỉnh P;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S: Ông **Bùi Đức Dũng** – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ngày 09/7/2007, chị và anh Hà Thái S đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Cốc, huyện T, tỉnh P. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh S cùng sinh sống tại xóm Tân Thịnh, xã Văn L, huyện T, tỉnh P. Những năm đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc nên có sinh được 02 con chung, đến những năm gần đây vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vì vậy dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do đó vợ chồng anh chị đã ly thân được khoảng 01 năm không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, thời gian ly thân đã lâu Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh Hà Thái S.

- *Về con chung*: Chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Hà C, sinh ngày 04/6/ 2008 và cháu Hà Hương Tr, sinh ngày 13/3/2013. Khi ly hôn giao hai cháu cho anh S được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai cháu đến khi khôn lớn thành niên và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S vì anh sinh tự nguyện không yêu cầu

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Hà Thái S trình bày: Anh S xác nhận lời trình bày của chị H hoàn toàn đúng như về sự tìm hiểu, thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng anh xét thấy vì các con còn nhỏ, nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý.

- *Về con chung*: Anh S xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên, tuổi các cháu như lời trình bày của chị H là hoàn toàn đúng. Nếu phải ly hôn anh nhất trí theo quan điểm giải quyết của chị H về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức*: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Quan điểm của các con chung (từ 7 tuổi trở lên): Cháu Hà C, sinh ngày 04/6/ 2008 và cháu Hà Hương Tr, sinh ngày 13/3/2013 tại đơn trình bày nguyện vọng của hai cháu ngày 21/6/2023 tại Tòa án, cháu C và cháu Tr xin được ở với anh S khi chị H và anh S ly hôn.

[4]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho chị H được ly hôn anh Hà Thái S. Về con chung vợ chồng anh, chị có 02 con chung là các cháu Hà C, sinh ngày 04/6/ 2008 và cháu Hà Hương Tr, sinh ngày 13/3/2013. Khi ly hôn giao hai cháu cho anh S được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai cháu đến khi khôn lớn thành niên và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S vì anh sinh tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức cả hai anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án này.

[5]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn:

Cơ bản quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đồng nhất với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị H và anh S kết hôn với nhau hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung chị H và anh S có 02 con chung là các cháu Hà C, sinh ngày 04/6/ 2008 và cháu Hà Hương Tr, sinh ngày 13/3/2013. Khi ly hôn giao hai cháu cho anh S được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi khôn lớn thành niên và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S vì anh S tự nguyện không yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu xin được ở với anh S. Về quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí chị H được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn về cơ bản là đồng nhất quan điểm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P cho chị xin ly hôn với anh Hà Thái S. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất giải quyết được về việc ly hôn, chị H xin ly hôn còn anh S không nhất trí ly hôn anh cho rằng vì các con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn được thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 26/6/2023 và bản tự khai của anh sinh ngày 21/6/2023. Do vậy tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị Hà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H (Có mặt), Bị đơn anh Hà Thái S (Có mặt) và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S (Có mặt). Căn cứ khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, Ngày 09/7/2007, anh chị đã đăng ký kết hôn

tại UBND xã Long Cốc, huyện T, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc; thường xuyên có mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được cả Nguyên đơn và Bị đơn xác nhận. Phía anh S không đồng ý ly hôn với chị H vì cho rằng do các con còn nhỏ. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn anh Hà Thái S.

Để xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh S, Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương, khu dân cư nơi chị H và S thường trú được biết: Anh S và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài được. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh S không hòa thuận hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung thực tế đã không còn; mục đích của hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh S xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Hà C, sinh ngày 04/6/ 2008 và cháu Hà Hương Tr, sinh ngày 13/3/2013. Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận giao hai cháu cho anh S được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai cháu đến khi khôn lớn thành niên và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S vì anh S tự nguyện không yêu cầu cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa của các đương sự.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh S có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị H là người dân tộc thiểu số sống ở Khu có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy chị được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/ 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là phù hợp.

2.5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh S được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Quan điểm của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn.

Cơ bản quan điểm của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đồng nhất với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 228, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Hà Thái S.
2. *Về con chung:* Giao cho anh Hà Thái S được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả hai cháu Hà C, sinh ngày 04/6/ 2008 và cháu Hà Hương Tr, sinh ngày 13/3/2013 kể từ ngày chấm dứt hôn nhân cho đến khi hai cháu thành niên và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S cho hai cháu vì anh S Tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền chăm sóc, gặp con chung không ai được ngăn cấm cản trở.
3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Trả lại cho chị Hà Thị H 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0007529 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P.
5. *Về quyền kháng cáo:* Anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Văn L
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Côn